TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn
2. Ông Thái Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 524/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim T, sinh năm: 1989, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 01, ấp CT, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

Tạm trú: Ô3 ấp TL xã TĐ, huyện HT, tỉnh TN.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1988, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 01, ấp CT, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-9-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến D tự nguyện có tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 10-2010, có tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn. Ngày cưới bên chồng có cho: 01 đôi bông hột xoàn, 01 sợi dây chuyền, 01 lắc tay, đều là bạch kim, nhưng không nhớ trọng lượng. Số vàng này chỉ còn đôi bông chị giữ, số còn lại vợ chồng đã bán chi phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung với cha mẹ anh D tại ấp CT, xã CG, huyện GD, tỉnh TN. Đến tháng 01-2013 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, do anh D không lo làm ăn mà cờ bạc, thì anh D cũng về nhà cha mẹ vợ sống chung với chị, anh hứa từ bỏ cờ bạc, nên vợ chồng ở lại. Tháng 9-2013 vợ chồng quay về nhà cha mẹ chồng sinh sống. Sau đó anh D tiếp tục cờ bạc, gây nợ

nần rồi bỏ nhà đi thời gian trở về, vợ chồng thường xuyên cải vã gây gổ nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nên tháng 6-2016 chị có làm đơn xin ly hôn, thì anh D và mẹ chồng năn nỉ, nên chị rút đơn vợ chồng về ở lại, Tòa án GD đình chỉ vụ án vào tháng 7-2016. Đến tháng 7-2017 anh D cờ bạc thiếu nợ bỏ nhà đi luôn, tháng 11-2017 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7-2017. Nay chị cảm thấy hôn nhân không thể tiếp tục, đời sống chung không thể kéo dài nên chị xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị chung sống không có 02 con chung tên Nguyễn Trần Gia K, sinh ngày 10-4-2011 và Nguyễn Trần Gia Kh, sinh ngày 07-12-2013, hiện chị đang nuôi cháu Kh từ tháng 11-2017 đến nay, anh D nuôi cháu K. Nay chị yêu cầu nuôi cháu Kh, giao anh D nuôi cháu K, không ai cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có 01 đôi bông hột xoàn và chiếc xe honda SH biển số 70F1-51044 do chị đứng tên, hiện chị đang quản lý đôi bông, còn xe honda SH anh D quản lý. Chị không yêu cầu giải quyết, do vợ chồng đã thỏa thuận chia xong.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến D: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án đến nhà tống đạt các văn bản tố tụng thì anh không nhận, cũng không cho thu thập chứng cứ và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng là chị T, anh D đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh D; về con chung: Giao anh D tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu K, chị T nuôi dưỡng giáo dục cháu Kh, không cấp dưỡng; về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: Chị T khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Tiến D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Kim T và anh Nguyễn Tiến D là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh D cờ bạc, nhiều lần gây nợ nần rồi bỏ nhà đi thời gian trở về, vợ chồng thường xuyên cải vã gây gổ nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nên tháng 6-2016 chị có làm đơn xin ly hôn, thì anh D và mẹ chồng năn nỉ, nên chị rút đơn vợ

chồng về ở lại, Tòa án GD đình chỉ vụ án vào tháng 7-2016. Đến tháng 7-2017 anh D cờ bạc thiếu nợ bỏ nhà đi, chị cũng về nhà cha mẹ ruột ở, anh chị sống ly thân đến nay. Còn anh D, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh D vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T là anh không thể hiện thiện chí để đoàn tụ.

Xét thấy, tháng 6-2017 chị T có đơn xin ly hôn, sau đó anh chị thỏa thuận đoàn tụ lại nên chị T rút đơn, Tòa án GD đã đình chỉ giải quyết vụ án vào tháng 7-2017. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nên chị T tiếp tục xin ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Tkhai có 02 con chung tên Nguyễn Trần Gia K, sinh ngày 10-4-2011 và Nguyễn Trần Gia Kh, sinh ngày 07-12-2013, hiện chị T đang nuôi cháu Kh, anh D nuôi cháu K. Nay chị yêu cầu nuôi cháu Kh, giao anh D nuôi cháu K, không ai cấp dưỡng. Xét thấy, hiện mỗi người nuôi một cháu đã ổn định, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao anh D nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, giao chị T nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kh là phù hợp với quy định tại điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Về tài sản chung:* Chị T khai có 01 đôi bông hột xoàn chị đang giữ, chiếc xe honda SH biển số 70F1-51044 do chị đứng tên, hiện anh D đang quản lý. Nay chị không yêu cầu nên không giải quyết. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] *Về nợ chung*: Chị T khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim T đối với anh Nguyễn Tiến D. Chị T được ly hôn với anh D.

2. *Về con chung*: Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Gia Kh, sinh ngày 07-12-2013. Giao anh D tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Gia K, sinh ngày 10-4-2011. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T, anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Chị T khai có 01 đôi bông hột xoàn và chiếc xe honda SH biển số 70F1-51044 do chị đứng tên, hiện chị đang quản lý đôi bông hột xoàn, anh D quản lý xe honda SH. Nay chị không yêu cầu nên không giải quyết. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. *Về nợ chung*: Chị T khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị T phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0012512 ngày 03-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Cẩm Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trọn Thái Kim Thành Nguyễn Thị An